

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 360 /KH-UBND

Quận 3, ngày 28 tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Quận 3

Căn cứ Quyết định số 4751/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn Quận 3 giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông báo số 182/TB-VP ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 3 về kết luận của thường trực Ủy ban nhân dân Quận 3 tại buổi họp giao ban ngày 28 tháng 10 năm 2024.

Ủy ban nhân dân Quận 3 ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Quận 3, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai áp dụng và thực hiện bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính tại quận theo Quyết định số 4751/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính (CCHC), nâng cao chỉ số CCHC của quận trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo bộ tiêu chí mới đã được Ủy ban nhân dân thành phố (UBND) phê duyệt, công bố.

- Thực hiện tự đánh giá và triển khai kết quả công bố chỉ số CCHC của Thành phố đối với Ủy ban nhân dân quận hàng năm, từ đó kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC; nâng cao chất lượng, hiệu quả đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết công việc, TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và 12 phường trong công tác cải cách hành chính thông qua kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính của quận, qua đó có giải pháp khắc phục, cải thiện.

2. Yêu cầu

- Việc xác định chỉ số CCHC tại quận phải được tổ chức định kỳ hàng năm và đảm bảo tính trung thực, công khai, khách quan, công bằng; phản ánh kịp thời, đúng tình hình thực tế kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị; điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khi có thay đổi về quy định, nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu CCHC.

- Việc triển khai xác định, đánh giá chỉ số cải cách hành chính phải bám sát quy định theo Quyết định số 4751/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghiêm túc thực hiện các nội dung khảo sát, đánh giá điều tra xã hội học của Thành phố đối với việc thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Tăng cường sự phối hợp tham gia đánh giá, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn quận đối với quá trình triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Triển khai chỉ số đánh giá cải cách hành chính tại Quận 3

1.1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần

1.1.1. Nhóm I: đánh giá kết quả thực hiện CCHC được xác định trên 07 lĩnh vực, 38 tiêu chí và 74 tiêu chí thành phần.

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 06 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thể chế: 04 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 05 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 05 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;
- Cải cách chế độ công vụ: 08 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 05 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: 05 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.

1.1.2. Nhóm II: điểm thưởng, điểm trừ trong công tác CCHC.

1.1.3. Nhóm III: tác động của công tác CCHC.

- Đánh giá của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và lãnh đạo của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị (thông qua điều tra xã hội học) và đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội là 20/100.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC tại Ủy ban nhân dân quận được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

1.2. Thang điểm đánh giá

Tổng điểm đánh giá là 100, trong đó:

- Đánh giá kết quả CCHC (tự đánh giá): 75/100.
- Đánh giá của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và lãnh đạo của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị (thông qua điều tra xã hội học): 10/100.
- Đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội: 10/100.
- Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác CCHC: 05/100. *(Riêng điểm trừ, sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng).*

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

1.3. Phương pháp đánh giá

- Tự đánh giá của Ủy ban nhân dân quận trên cơ sở tổng hợp các kết quả theo dõi, tự đánh giá, cho điểm kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị phụ trách đối với từng nội dung chỉ số cải cách hành chính. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao phụ trách nội dung chỉ số cải cách hành chính thực hiện đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong thang điểm và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm tự đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm tự đánh giá” của Phụ lục thang điểm kèm theo.

- Đánh giá của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và lãnh đạo của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị (thông qua điều tra xã hội học). Đánh giá thông qua điều tra xã hội học do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố thực hiện tại tiêu chí 2 Nhóm III của Phụ lục thang điểm.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chủ trì phối hợp với các đoàn thể thành viên đánh giá kết quả giám sát công tác CCHC tại tiêu chí 1 Nhóm III của Phụ lục thang điểm.

- Điểm tự đánh giá của Ủy ban nhân dân quận được Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan thẩm định, xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Điểm đánh giá Điều tra xã hội học là điểm do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố thực hiện. Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng hợp điểm đánh giá tác động của công tác CCHC (thông qua điều tra xã hội học và thông qua đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố) và điểm do Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số CCHC thẩm định với điểm tối đa (100 điểm).

1.4. Xếp loại

Căn cứ vào số điểm tổng sẽ xếp loại kết quả như sau:

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại Xuất sắc;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại Tốt;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại Khá;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại Trung bình;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại Yếu.

1.5. Xếp hạng

Căn cứ vào số điểm tổng sẽ xếp hạng theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đối với cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng xếp hạng Khối Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

2. Công tác tự đánh giá, báo cáo xác định chỉ số CCHC

- Việc tự đánh giá, báo cáo tiến độ thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần được thực hiện định kỳ hàng quý về Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và Thường trực Ủy ban nhân dân quận để xem xét, đánh giá và kịp thời đưa ra phương hướng, giải pháp.

- Hàng năm, khi Thành phố triển khai và hướng dẫn đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phụ trách từng nội dung của chỉ số thực hiện cung cấp kết quả thực hiện kèm theo minh chứng về Phòng Nội vụ để tổng hợp, tham mưu trình Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và Thường trực Ủy ban nhân dân quận xem xét, phê duyệt báo cáo tự đánh giá về thành phố đúng thời hạn. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện chịu trách nhiệm đối với các nội dung, minh chứng cung cấp để xác định chỉ số cải cách hành chính của quận.

- Công tác tự đánh giá, xác định chỉ số CCHC đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 4751/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc quận

Căn cứ vào Chỉ số CCHC của Thành phố, tham mưu xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số CCHC áp dụng tại quận phục vụ công tác theo dõi, đánh giá CCHC đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quận:

- Cơ quan tham mưu: Phòng Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND quận, Phòng Văn hóa và Thông tin quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Phòng Tư pháp quận và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Chỉ số CCHC trên địa bàn quận được chi từ nguồn kinh phí công tác cải cách hành chính.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho việc triển khai đánh giá Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định.

IV. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận đối với việc xác định Chỉ số CCHC

- Triển khai việc thực hiện các nội dung CCHC được giao một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch CCHC hàng năm và theo từng giai đoạn.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác theo dõi, đánh giá các nội dung CCHC được giao thường xuyên, thực chất, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo kết quả CCHC.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông, phổ biến về Chỉ số cải cách hành chính

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến đến các cơ quan đơn vị về nội dung Chỉ số cải cách hành chính đa dạng hình thức, sinh động (hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin đa phương tiện...). Thực hiện tuyên truyền về mục đích, vai trò, ý nghĩa và các kết quả đạt được trong việc thực hiện Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn quận. Chủ động triển khai văn bản, nội dung hướng dẫn chi tiết việc thực hiện góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và người dân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai CCHC hàng năm.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, tổng hợp việc thực hiện công tác Cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận

Trưởng Phòng Nội vụ quận phân công nhiệm vụ công chức chuyên trách CCHC tham mưu thực hiện công tác theo dõi, đánh giá, đôn đốc việc thực hiện chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân quận.

Đối các cơ quan chuyên môn thuộc quận, Ủy ban nhân dân 12 phường Thủ trưởng đơn vị phân công nhiệm vụ cho công chức phụ trách công tác cải cách hành chính thực hiện theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai nội dung công tác cải cách hành chính được giao và trên lĩnh vực phụ trách. Định kỳ, thường xuyên tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo cải cách hành chính (thông qua Phòng Nội vụ).

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo kinh phí cho công tác cải cách hành chính

- Tiếp tục ứng dụng phần mềm quản lý công tác cải cách hành chính do Thành phố triển khai thực hiện trong việc cập nhật tiến độ, báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và thực hiện công tác tự đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của quận.

- Đảm bảo kinh phí cho hoạt động cải cách hành chính, thực hiện các nhiệm vụ xác định chỉ số cải cách hành chính.

5. Kết quả đánh giá Chỉ số CCHC là điều kiện xét thi đua, khen thưởng; xem xét trách nhiệm người đứng đầu

- Xem xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân cơ quan, đơn vị thuộc quận có đóng góp tích cực, thực hiện đảm bảo các nội dung chỉ số cải cách hành chính của quận.

- Xem xét phê bình đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị không phối hợp, thực hiện các nội dung thang điểm chỉ số cải cách hành chính được giao.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ quận

- Tham mưu triển khai Kế hoạch xác định chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân quận, trong đó cần xác định rõ nhiệm vụ cụ thể các cơ quan, đơn vị. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai nội dung xác định Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn quận.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị việc thực hiện các nội dung chỉ số cải cách hành chính đã được phân công. Định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Thường trực Ủy ban nhân dân quận tiến độ thực hiện chỉ số.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo xác định Chỉ số cải cách hành chính tại quận theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và trình Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Thường trực Ủy ban nhân dân quận phê duyệt văn bản liên quan đến công tác đánh giá Chỉ số CCHC gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Phối hợp triển khai, đôn đốc trên địa bàn quận các nội dung Thành phố khảo sát điều tra xã hội học đối với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và đánh giá, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam Thành phố và các tổ chức đoàn thể thành viên đối với công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin quận và các cơ quan các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm.

- Căn cứ vào Chỉ số CCHC của Thành phố, tham mưu xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số CCHC áp dụng trong nội bộ của Ủy ban nhân dân quận phục vụ công tác theo dõi, đánh giá CCHC đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quận phù hợp với điều kiện thực tế để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá Chỉ số CCHC.

- Tham mưu khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có sự đóng góp trong công tác xác định Chỉ số CCHC của quận; đồng thời xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chưa phối hợp tốt trong công tác xác định Chỉ số CCHC của quận.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Phòng Kinh tế quận và các cơ quan có liên quan

Theo lĩnh vực phụ trách phối hợp Phòng Nội vụ trong việc theo dõi, tự đánh giá nội dung Chỉ số CCHC; đề xuất và gửi minh chứng phần điểm thưởng, chịu trách nhiệm đối với điểm trừ tiêu chí thành phần tại mục II của Phụ lục thang điểm kèm theo, cụ thể:

- Phòng Nội vụ quận: mục I.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; mục I.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; mục I.5. Cải cách chế độ công vụ; mục I.7.4. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Theo dõi, tổng hợp các nội dung mục II.1. Điểm thưởng và mục II.2. Điểm trừ; mục III. Tác động công tác cải cách hành chính.

- Phòng Tư pháp quận: mục I.2. Cải cách thể chế.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân quận: mục I.1.5. Đối thoại của lãnh đạo địa phương với người dân, doanh nghiệp; mục I.3. Cải cách thủ tục hành chính; mục I.7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch: mục I.4.3. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc so với năm 2021; mục I.6. Cải cách tài chính công.

- Phòng Kinh tế quận: mục I.1.5. Đối thoại của lãnh đạo địa phương với người dân, doanh nghiệp.

3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị phụ trách nội dung xác định Chỉ số CCHC đảm bảo triển khai hiệu quả tại cơ quan, đơn vị và báo cáo kết quả triển khai, thực hiện định kỳ thường xuyên hoặc khi có yêu cầu.

- Thực hiện thông tin, tuyên truyền tại cơ quan, đơn vị về mục đích, ý nghĩa, vai trò và kết quả đánh giá xác định Chỉ số CCHC.

- Nghiêm túc tham gia điều tra điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC của quận khi được triển khai đảm bảo khảo sát đầy đủ, đúng thời gian.

- Nghiêm túc triển khai, thực hiện, theo dõi thang điểm chỉ số CCHC đối với cơ quan, đơn vị thuộc quận.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 3 và các tổ chức chính trị - xã hội quận

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội về công tác cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận, đặc biệt là Ủy ban nhân dân 12 phường. Phối hợp Ủy ban nhân dân quận tăng cường tuyên truyền các kết quả đạt được, ý nghĩa của hoạt động cải cách hành chính, chỉ số cải cách hành chính cho người dân, đoàn viên, hội viên để cùng chung tay, đồng hành tham gia góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trên địa bàn quận.

Trên đây là Kế hoạch triển khai xác định các chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Quận 3. Đề nghị Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đảm bảo các nội dung của kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ Tp;
- TT QU Q.3;
- TT UBND Q.3: CT và các PCT;
- Thành viên BCD CCHC Q.3;
- Ban Dân vận QU Q.3;
- BTT. UBMTTQ VN Q.3;
- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường;
- Lưu: VT, NV, Nhân.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thúy Hằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN
(Kèm theo Kế hoạch số 360 /KH-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 3)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	75			
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	9,5			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	1,5	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm đúng thời gian quy định và đảm bảo chất lượng	0,5			
1.1.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0,8$ thì điểm đánh giá là 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	3	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2			
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>	2			
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo</i>	0			
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất (theo danh mục đề nghị báo cáo CCHC của Sở Nội vụ)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>	1			
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo (tối đa trừ 1 điểm) Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1$. Trong đó: a là tổng số báo cáo b là số báo cáo đã hoàn thành</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2	- Phòng Nội vụ quận	- Văn phòng UBND quận - Phòng Tư pháp quận - Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - Các cơ quan, đơn vị có liên quan	
1.3.1	Tỷ lệ các tổ chức thuộc (phòng, ban chuyên môn), tổ chức trực thuộc và đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot 100\%$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số tổ chức thuộc, tổ chức trực thuộc và đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị.</i> <i>b là tổng số tổ chức thuộc, tổ chức trực thuộc và đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị được kiểm tra</i>	1			
	Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên	1			
	Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc	0,5			
	Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc	0			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0,5$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5	- Phòng Nội vụ quận - Phòng Văn hóa và Thông tin quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
1.4.1	Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền/Văn bản chỉ đạo tuyên truyền về công tác cải cách hành chính hàng năm	0,5			
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị - có chuyên mục riêng về cải cách hành chính: 0,25 - cập nhật, đăng tải nội dung thường xuyên: 0,25	0,5			
1.4.3	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác (hội thi, video, pano, áp phích; các bài viết, mô hình, giải pháp, sáng kiến được đăng trên các phương tiện truyền thông, ...)	0,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
1.5	Đối thoại của lãnh đạo địa phương với người dân, doanh nghiệp	1	- Văn phòng UBND quận - Phòng Kinh tế quận	- Phòng Nội vụ - Phòng Tài chính – Kế hoạch quận - Cơ quan, đơn vị có liên quan	
1.5.1	<i>Có từ 02 - 03 cuộc đối thoại/diễn đàn được tổ chức trong năm</i>	0,25			
1.5.2	<i>Ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn</i>	0,25			
1.5.3	<i>Mức độ xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đạt từ 80% trở lên</i>	0,5			
1.6	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC	0,5	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
1.6.1	<i>Có đăng ký mô hình, giải pháp trong thực hiện nhiệm vụ CCHC</i>	0,25			
1.6.2	<i>Có mô hình, giải pháp trong thực hiện nhiệm vụ CCHC được Ban Chỉ đạo CCHC TP công nhận trong năm</i>	0,25			
2	Cải cách thể chế	6			
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch UBND TP phê duyệt	2	- Phòng Tư pháp quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ hoặc các cơ quan, đơn vị không được giao chủ trì soạn thảo văn bản theo Danh mục văn bản</i>	2			
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ</i>	1,5			
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ</i>	1			
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ</i>	0,5			
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật	1,5	- Phòng Tư pháp quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	1			
	<i>Kịp thời, đúng quy định</i>	1			
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định</i>	0			
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần, thay thế, ban hành mới, đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung VBQPPL sau rà soát	0,5			
	Tính theo công thức: (b/a) * điểm tối đa Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa	0,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	0,5	- Phòng Tư pháp quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
	Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa	0,5			
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2	- Phòng Tư pháp quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
2.4.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1			
	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật</i>	0,5			
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</i>	0,5			
2.4.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	1			
	<i>Ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật kịp thời và có số liệu đầy đủ, chính xác</i>	1			
	<i>Ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật không kịp thời hoặc số liệu không đầy đủ, không chính xác</i>	0,5			
	<i>Không ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật</i>	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	16			
3.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	4	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
3.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC	1,5			
	<i>Kế hoạch đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn.</i>	0,5			
	<i>Kế hoạch không đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn</i>	0			
	<i>Hoàn thành từ 80% Kế hoạch trở lên</i>	1			
	<i>Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch</i>	0			
3.1.2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ: công khai TTHC, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết; xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC	1,5	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>Trên 80% đơn vị được kiểm tra và trên 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục</i>	1,5			
	<i>50% đến 80% đơn vị được kiểm tra và có 50% đến 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục</i>	1			
	<i>Không đạt tỷ lệ trên</i>	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
3.1.3	Thực hiện Báo cáo kiểm soát TTHC	1			
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn</i>	1			
	<i>Báo cáo thiếu, trễ thời hạn</i>	0			
3.2	Kiểm soát quy định TTHC	1	- Văn phòng UBND quận	- Ủy ban nhân dân 12 phường	
3.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0,5			
	<i>Không ban hành TTHC trái thẩm quyền</i>	0,5			
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0			
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát ban hành TTHC	0,5			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0,5			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0			
3.3	Công khai TTHC, kết quả giải quyết hồ sơ	2	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
3.3.1	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa	0,5			
	<i>Đúng quy định</i>	0,5			
	<i>Không đúng quy định</i>	0			
3.3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của đơn vị	0,5			
	<i>Đúng quy định</i>	0,5			
	<i>Không đúng quy định</i>	0			
3.3.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và Hệ thống thông tin một cửa điện tử Thành phố	1			
	<i>Đạt tỷ lệ 100% hồ sơ</i>	1			
	<i>Dưới 100%</i>	0			
3.4	Rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	1	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
3.4.1	Đơn giản hóa TTHC về quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ	0,5			
	<i>Có thực hiện</i>	0,5			
	<i>Không thực hiện</i>	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
3.4.2	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC)	0,5			
	<i>Có thực hiện</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Không thực hiện</i>	<i>0</i>			
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	8	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
3.5.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (không bao gồm trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)	1			
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC</i>	<i>1</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC</i>	<i>0</i>			
3.5.2	TTHC ngành dọc thực hiện tiếp nhận tại BPMC các cấp theo DM được phê duyệt	1			
	<i>80% số TTHC trở lên</i>	<i>1</i>			
	<i>60% đến dưới 80% số TTHC</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Dưới 60% số TTHC</i>	<i>0</i>			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
3.5.3	Số TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, khác cấp	0,5			
	<i>Có thực hiện</i>	0,5			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
3.5.4	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt	0,5			
	<i>Tuân thủ quy trình</i>	0,5			
	<i>Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần, rút ngắn thời gian giải quyết...)</i>	0			
3.5.5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	1,5			
	Giải quyết đúng hạn từ 98% đến 100% hồ sơ tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1,5}{100\%}$	1,5			
	<i>Giải quyết đúng hạn dưới 98% hồ sơ</i>	0			
3.5.6	Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ và đúng quy định</i>	1			
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định</i>	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
3.5.7	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các quận - huyện	1			
	<i>Đạt điểm xếp loại xuất sắc</i>	<i>1</i>			
	<i>Đạt điểm xếp loại tốt</i>	<i>0,75</i>			
	<i>Đạt điểm xếp loại khá</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Đạt điểm xếp loại trung bình</i>	<i>0,25</i>			
	<i>Đạt điểm xếp loại yếu</i>	<i>0</i>			
3.5.8	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC của đơn vị	1,5			
	<i>100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	<i>1,5</i>			
	<i>Từ 90% đến dưới 100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	<i>1</i>			
	<i>Dưới 90% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	<i>0</i>			
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	9			
4.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phòng, đơn vị, UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc theo quy định	1	- Phòng Nội vụ quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
4.1.1	<i>Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc quận, huyện, thành phố Thủ Đức, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức: 0,5.</i>	<i>0,5</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
4.1.2	<i>100% phòng, đơn vị, UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức theo quy định hiện hành: 0,5</i>	0,5			
4.2	Đảm bảo cơ cấu số lượng lãnh đạo theo quy định	1	- Phòng Nội vụ quận		
	<i>- 100% phòng, đơn vị, UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện có cơ cấu số lượng lãnh đạo không vượt so với quy định: 1</i> <i>- Có phòng, đơn vị, UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện có cơ cấu số lượng lãnh đạo vượt so với quy định: 0</i>				
4.3	Thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc so với năm 2021	2	- Phòng Nội vụ quận - Phòng Tài chính-Kế hoạch quận		
4.3.1	<i>Có sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: 1 (Trường hợp những cơ quan, đơn vị không có ĐVSNCL hoặc có ĐVSNCL trực thuộc nhưng không thuộc trường hợp phải sắp xếp thì được 1)</i>	1	- Phòng Nội vụ quận		
4.3.2	<i>Có nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc từ 2%/năm: 1 (Trường hợp những cơ quan, đơn vị không có ĐVSNCL hoặc có tỉ lệ ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên trên tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc đạt tỷ lệ từ 20% trở lên theo quy định) ”</i>	1	- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
4.4	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc	1	- Phòng Nội vụ quận		
	- Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao: 1 - Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao: 0				
4.5	Thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền theo ngành, lĩnh vực	4	- Phòng Nội vụ quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
4.5.1	Thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền theo ngành, lĩnh vực do cấp có thẩm quyền ban hành	1			
	Đạt 100% hồ sơ trong năm thực hiện đúng thẩm quyền và đảm bảo thời gian quy định: 1 Đạt đến 80% hồ sơ trong năm thực hiện đúng thẩm quyền và đảm bảo thời gian quy định: 0,5 Dưới 80% hồ sơ trong năm thực hiện đúng thẩm quyền và đảm bảo thời gian quy định: 0				
4.5.2	Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các Quyết định phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do cấp có thẩm quyền ban hành cho phù hợp quy định hiện hành	1			
	Có rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các Quyết định đã được cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền khi quy định hiện hành có thay đổi: 1.00 (<i>Trường hợp quy định hiện hành vẫn phù hợp, không cần thiết tham mưu điều chỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế các Quyết định đã được cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền thì được: 1</i>)				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
	Không kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các Quyết định đã được cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền khi quy định hiện hành có thay đổi: 0				
4.5.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện đã ủy quyền cho phòng, ban, đơn vị, UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc	1			
4.5.4	Xử lý các vấn đề về ủy quyền phát hiện qua kiểm tra phòng, ban, đơn vị, UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc	1			
	<i>100% các vấn đề được phát hiện đã được xử lý hoàn thành: 1 Chưa xử lý hoàn thành các vấn đề được phát hiện: 0</i>				
5	Cải cách chế độ công vụ	11,5			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
5.1.1	Xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức	0,5			
5.1.1.1	Đã được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; có triển khai vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức cho các tổ chức trực thuộc	0,25			
5.1.1.2	Phân bổ biên chế theo từng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức được phê duyệt	0,25			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được duyệt theo quy định	0,5			
	<i>Đạt 100% số cơ quan, tổ chức</i>	0,5			
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số cơ quan, tổ chức</i>	0,3			
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số cơ quan, tổ chức</i>	0,15			
	<i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức</i>	0			
5.1.3	Hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	0,5			
	Tất cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đã được phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, 2) (<i>Trường hợp không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì được tròn điểm</i>)	0,25			
	Tất cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có phân bổ số lượng người làm việc theo từng vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt (<i>Trường hợp không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì được tròn điểm</i>)	0,25			
5.1.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc bố trí viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt theo quy định	0,5			
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	0,5			
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số đơn vị</i>	0,3			
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	0,15			
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	- Phòng Nội vụ quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	0,5			
	<i>Đúng quy định</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định</i>	<i>0</i>			
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0,5			
	<i>Đúng quy định</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định</i>	<i>0</i>			
5.3	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	0,5	- Phòng Nội vụ quận		
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Trường hợp bổ nhiệm trong năm đánh giá có sai phạm hoặc được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 điểm.</i>	<i>0</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
5.4	Thực hiện tình giản biên chế theo đề án/kế hoạch được phê duyệt	1	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	1			
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
	<i>Đạt dưới 70% kế hoạch</i>	0			
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	1	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>Đúng quy định</i>	1			
	<i>Không đúng quy định</i>	0			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
5.6	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2,5	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
5.6.1	Về chấp hành kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	1,5			
5.6.1.1	<i>Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	0,75			
	<i>Trường hợp CÓ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	0			
5.6.1.2	<i>Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	0,75			
	<i>Trường hợp CÓ cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</i>	0			
5.6.2	Báo cáo kết quả thực hiện việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện quy định về Quy tắc ứng xử trên địa bàn Thành phố (mỗi báo cáo trừ 0,05đ) (Quý I, 6 tháng, quý III, năm)	0,2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
5.6.3	Công tác kiểm tra công vụ	0,8			
5.6.3.1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra (Quý I hằng năm)	0,4			
5.6.3.2	Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra	0,4			
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
5.7.1	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra theo kế hoạch năm. b là số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành. Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,80$ thì điểm đánh giá là 0</i>				
5.7.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức	1			
	<i>Đạt từ 80% đến 100%</i>	1			
	<i>Đạt dưới 80%</i>	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
5.8	Cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn	1,5	- Phòng Nội vụ quận	- Ủy ban nhân dân 12 phường	
	Tỷ lệ đạt chuẩn cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn Riêng cán bộ phường được xác định là: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội phường.	1,5			
	<i>Đạt 100 % số cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn đạt chuẩn</i>	1,5			
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn đạt chuẩn</i>	1			
	<i>Đạt dưới 80% số cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn đạt chuẩn đạt chuẩn</i>	0			
6	Cải cách tài chính công	8,5			
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	2	- Phòng Tài chính – Kế hoạch quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
6.1.1	<i>Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ</i>	1			
6.1.2	<i>Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm</i>	0,5			
6.1.3	<i>Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức</i>	0,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2,5	- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận	- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận	
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận - huyện triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính	1			
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	1			
	<i>Đạt từ 90% đến dưới 100% số đơn vị</i>	0,5			
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 90% số đơn vị</i>	0,25			
	<i>Đạt dưới 80% số đơn vị</i>	0			
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận, huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện cơ chế	0,5			
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	0,5			
	<i>Đạt dưới 100% số đơn vị</i>	0			
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận, huyện đảm bảo thu nhập cho công chức, viên chức	0,5			
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	0,5			
	<i>Đạt dưới 100% số đơn vị do có đơn vị mới được thành lập trong năm (không có kinh phí tiết kiệm do chưa được giao tự chủ tài chính)</i>	0,25			
	<i>Đạt dưới 100% số đơn vị do có đơn vị không có tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho các bộ, công chức, viên chức</i>	0			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
6.2.4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên	0,5			
	<i>Số đơn vị có tăng hoặc ổn định so với năm trước</i>	0,5			
	<i>Số đơn vị giảm so với năm trước</i>	0			
6.3	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1	- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
	$\frac{\text{tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước} \times 1.00}{100\%}$				
6.4	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị; b là số tiền đã nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị				
6.5	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
6.5.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5			
	<i>Ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0,25			
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0,25			
	<i>Ban hành chậm trễ, không đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0			
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0			
6.5.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:	0,75			
	<i>Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0,25			
	<i>100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0,25			
	<i>Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0,25			
	<i>Không kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0			
	<i>Có cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0			
	<i>Không rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
6.5.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75			
	- <i>Từ 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0,75			
	- <i>Từ 50% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0,5			
	- <i>Từ 30% - dưới 50% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0,25			
	- <i>Dưới 30% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0			
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	14,5			
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	0,5	- Văn phòng UBND quận		
	Ban hành đúng thời hạn	0,5			
	Ban hành trễ hoặc không ban hành	0			
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	1	- Văn phòng UBND quận		
	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM) <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{Điểm tối đa}$. Trong đó :</i> <i>a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung</i> <i>b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức	9,5	- Văn phòng UBND quận		
7.3.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	2	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	2			
	<i>80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	1			
	<i>Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	0			
7.3.2	Đảm bảo tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch cải cách hành chính năm của Thành phố	2	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,5			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa/tỷ lệ chỉ tiêu được giao hằng năm. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
7.3.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	1,5	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
7.3.4.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến	0,5			
7.3.4.2	Tỷ lệ TTHC có nghĩa vụ tài chính phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa/chỉ tiêu được giao hằng năm}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có nghĩa vụ tài chính đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có nghĩa vụ tài chính có phát sinh thanh toán trực tuyến	0,5			
7.3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa/chỉ tiêu được giao hằng năm}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ có nghĩa vụ tài chính đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có nghĩa vụ tài chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
7.3.5	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%</i>	<i>1</i>			
	<i>Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định</i>	<i>0,5</i>			
7.3.6	Đảm bảo An toàn thông tin	0,5	- Văn phòng UBND quận	- Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>Đảm bảo theo quy định</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Chưa đảm bảo</i>	<i>0</i>			
7.3.7	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số và đô thị thông minh định kỳ	1	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>Số lượng báo cáo</i>	<i>0,5</i>			
	<i>Thời gian gửi báo cáo</i>	<i>0,5</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
7.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1			
	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0,5			
	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0,5			
7.4.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2			
7.4.2.1	<i>Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá</i>	0,5			
7.4.2.2	<i>Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá</i>	0,5			
7.4.2.3	<i>Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá</i>	0,5			
7.4.2.4	<i>Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)</i>	0,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
7.5	Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo	0,5	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
	<i>Có thực hiện</i>	0,5			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo theo yêu cầu</i>	0			
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)		Phòng Nội vụ quận tổng hợp trên kết quả các đơn vị		
1	Điểm thưởng	+5			
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	+ 1	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1	- Văn phòng UBND quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
1.3	Đoạt giải thưởng các Hội thi về công tác CCHC do Bộ ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức hoặc các cơ quan, đơn vị được UBND Thành phố giao	+ 1	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
1.4	Cơ quan, đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương từ 02 lần trực tiếp trở lên thông qua hình thức Quyết định, Thông báo, Kết luận hoặc thông qua hình thức được đăng tải trên các phương tiện truyền thông liên quan đến công tác CCHC kèm theo link các bài đăng... +1 điểm. Trường hợp biểu dương thì + 0,5 điểm	+ 1	- Phòng Nội vụ quận - Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường		
1.5	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1	- Phòng Nội vụ quận		
1.6	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0,5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1	Bộ phận Một cửa của quận và Ủy ban nhân dân 12 phường		
1.7	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1	- Phòng Nội vụ quận - Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
1.8	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1	- Phòng Nội vụ quận	- Cơ quan, đơn vị có liên quan	
1.9	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0,25 điểm).	+1	- Phòng Nội vụ quận	- Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường	
1.10	Có triển khai áp dụng hệ thống camera công vụ và kết nối được với hệ thống giám sát của Sở Nội vụ	+ 1	- Phòng Nội vụ quận - Văn phòng UBND quận - Ủy ban nhân dân 12 phường		
1.11	Không có cơ quan, đơn vị (công chức, viên chức) vi phạm quy định về Quy tắc ứng xử, kết quả thực hiện nhiệm vụ công vụ thông qua kết quả kiểm tra liên ngành của Thành phố	+ 1	- Phòng Nội vụ quận - Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
2	Điểm trừ		- Phòng Nội vụ quận - Các cơ quan chuyên môn thuộc quận - Ủy ban nhân dân 12 phường		
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2			
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1			
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1			
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2			
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1			
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0,25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0,25 điểm nhưng không trừ quá 1 điểm)	- 1			
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1			
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	- 1			
2.10	Thực hiện Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong công tác tham mưu và triển khai thực hiện nhiệm vụ, công tác quản lý nhà nước. <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm trừ tối đa}$ (Trừ tối đa 1 điểm). Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản trong năm phải trả lời cho các cơ quan chủ trì lấy ý kiến..</i> <i>b là tổng số văn bản không trả lời hoặc trả lời trễ thời gian yêu cầu của cơ quan chủ trì lấy ý kiến (trừ các văn bản có nêu nội dung sau thời gian trên nếu không có ý kiến xem như là thống nhất)</i>	- 1			
2.11	Không khai thác, sử dụng Phần mềm Hệ thống quản lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo tại Thành phố và liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo	- 1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì theo dõi	Đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	20			
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các tổ chức chính trị - xã hội)	10	- Phòng Nội vụ quận		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
2	Đánh giá của đại biểu HĐND TP, lãnh đạo của các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, Thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị	10	- Phòng Nội vụ quận		Điều tra xã hội học
I+ II + III		100			

Xếp hạng và xếp loại:

- Đạt từ 90 đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 đến dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.